TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ TĨNH** **TỈNH HÀ TĨNH** Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST Ngày: 27-3-2023 *V/v: Ly hôn, tranh chấp về con chung, tài sản*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TĨNH – TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Nhị

Bà Võ Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thúy Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 48/2022/TLST-HNGĐ ngày 11/10/2022 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/3/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị H; Sinh năm: 1985; Địa chỉ cư trú: Thôn L, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh – *Có mặt*

- Bị đơn: Anh Nguyễn H; Sinh năm 1976; Địa chỉ cư trú: Thôn L, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh – *Có mặt*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị N; Sinh năm 1966; Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, Tp H, tỉnh Hà Tĩnh – *Vắng mặt*

2. Chị Võ Thị H; Sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn L, xã T, Tp H, tỉnh Hà Tĩnh – *Vắng mặt*

3. Chị Lê Thị L; Sinh năm 1969; Địa chỉ: Số 30, đường V, tổ dân phố 5, phường N, Tp H, tỉnh Hà Tĩnh – *Vắng mặt*

4. Chị Lê Thị Diệu L; Sinh năm 1995; Địa chỉ: Số 63, ngõ 143, đường N, tổ dân phố 4, phường H, Tp H, tỉnh Hà Tĩnh – *Vắng mặt*

5. Anh Nguyễn Văn H; Sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn T, xã T, Tp H, tỉnh Hà Tĩnh – *Vắng mặt*

6. Chị Lê Thị H; Sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, Tp H, tỉnh Hà Tĩnh – *Vắng mặt*

7. Chị Nguyễn Thị TH; Sinh năm 1967; Địa chỉ: Tổ dân phố 1, phường H, Tp H, tỉnh Hà Tĩnh – *Vắng mặt*

8. Chị Nguyễn Thị V; Sinh năm 1966; Địa chỉ: Thôn T, xã T, Tp H, tỉnh Hà Tĩnh – *Vắng mặt*

9. Nguyễn Thị Thu U, sinh ngày 02/01/2005; Địa chỉ cư trú: Thôn L, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh – *Vắng mặt*

- Người làm chứng: Bà Mai Thị C; Địa chỉ cư trú: Thôn N, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh – *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Võ Thị H trình bày:

Chị Võ Thị H và anh Nguyễn H kết hôn ngày 13/01/2003, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, tình cảm vợ chồng khi mới cưới bình thường. Tuy nhiên quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H không lo làm ăn, không quan tâm vợ con, thường uống rượu về gây gỗ đánh đập vợ, vứt đồ đạc. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhất khoảng 3 đến 4 năm gần nay. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2022 đến nay. Chị H xác định tình cảm vợ chồng hiện nay không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị Võ Thị H và anh Nguyễn H có 4 con chung tên là Nguyễn Thị Thu U, sinh ngày 02/01/2005, Nguyễn Hồng H, sinh ngày 02/01/2008, Nguyễn Hồng L, sinh ngày 09/02/2013 và Nguyễn Hồng Thiên A, sinh ngày 19/6/2020. Con Nguyễn Thị Thu U đã đủ 18 tuổi trưởng thành, con ở với ai là quyền của con. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Hồng L và Nguyễn Hồng Thiên A, giao cho Anh Nguyễn H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hồng H. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung: Tài sản chung vợ chồng gồm có:

- 01 thửa đất số 76 tờ bản đồ số 18, diện tích 200m2 tại thôn L, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 062587 ngày 18/10/2017 do UBND thành phố H cấp mang tên bà Võ Thị H và ông Nguyễn H và 01 ngôi nhà xây trên đất. Nguồn gốc đất do chị H mua năm 2017 và nhà xây dựng năm 2020 là từ tiền chị H vay mượn của mẹ đẻ, em ruột, chị chồng và bạn bè.

- 01 ngôi nhà cấp 4 có diện tích 100m^2 xây dựng trên đất của mẹ chồng tại thôn T, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.

Tại đơn khởi kiện chị H đề nghị Tòa án chia tài sản chung đối với các tài sản trên. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, chị H rút yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung vợ chồng.

Về nợ: Quá trình mua đất và xây dựng nhà, chị H có vay nợ như sau: Nợ bà Nguyễn Thị N: 240.000.000đ; Nợ chị Võ Thị Hợp: 180.000.000đ; Chị Lê Thị L: 500.000.000đ; Chị Lê Thị Diệu L: 408.000.000đ; Anh Nguyễn Văn H: 16.000.000đ; Chị Lê Thị H: 20.000.000đ; Chị Nguyễn Thị TH: 35.000.000đ; Chị Nguyễn Thị V: 5 chỉ vàng trị giá 27.000.000đ. Tại đơn khởi kiện, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi trách nhiệm trả nợ đối với số nợ trên. Tại phiên tòa, chị H rút yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết về trách nhiệm trả nợ đối với số nợ trên.

Tại Biên bản ghi lời khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn Anh Nguyễn H trình bày:

Về thời gian, điều kiện kết hôn thống nhất như trình bày của chị H. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, cùng nhau lo lắng làm ăn nhưng dần dần phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng thu nhập thấp, khó khăn về kinh tế. Mâu thuẫn trầm trọng kể từ khi chị H mua đất làm nhà, Anh H không đồng ý mua đất làm nhà vì vợ chồng không có tiền nhưng vợ cứ nhất quyết tự ý mua đất, tự thuê thợ, làm nhà, tự vay nợ dẫn đến mâu thuẫn. Anh H thừa nhận trong một lần vợ chồng mâu thuẫn Anh có ném bát làm chị H chảy máu tay. Vợ chồng ly thân từ tháng 7/2022 đến nay. Anh H vẫn còn tình cảm với chị H và không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh H và chị H có 4 con chung như trình bày của chị H. Con đầu Nguyễn Thị Thu U đã trưởng thành, ở với ai tùy con quyết định. Anh H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con Nguyễn Hồng H, giao cho chị H được trực tiếp nuôi 2 con Nguyễn Hồng L và Nguyễn Hồng Thiên A. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung: Tài sản chung vợ chồng thống nhất như chị H trình bày. Chị H rút yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung Anh H đồng ý.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA bà Nguyễn Thị N trình bày:

Ngày 20/01/2020 âm lịch, bà N có cho chị H vay số tiền 240.000.000 đồng mục đích để xây nhà đến nay chưa trả. Bà N đề nghị Anh H và chị H thanh toán cho bà N số tiền trên.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị H trình bày:

Trong năm 2020, chị Võ Thị H có cho chị H vay 3 lần, lần 1 số tiền 90.000.000 đồng, lần 2 số tiền 40.000.000 đồng, lần 3 số tiền 50.000.000 đồng, tổng cộng là 180.000.000 đồng mục đích để xây nhà đến nay chưa trả. Chị H yêu cầu Anh H và chị H thanh toán cho chị H số tiền trên.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA chị Lê Thị H trình bày:

Năm 2020, khi chị H Anh H xây nhà thì gia đình chị H làm thợ mộc đã làm cửa gỗ, cầu thang, tủ bếp cho nhà của Anh H chị H với tổng số tiền 105.000.000đ. Từ đó đến nay chị H đã trả cho chị H số tiền 85.000.000đ, còn lại 20.000.000đ chưa thanh toán. Chị H yêu cầu Anh H và chị H thanh toán số tiền 20.000.000đ còn nợ.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên qua chị Nguyễn Thị TH trình bày:

Năm 2020, chị H có vay của chị TH nhiều lần với tổng số tiền 50.000.000đ mục đích để xây nhà. Từ đó đến nay chị H đã trả 15.000.000đ, còn lại 35.000.0000 đồng chưa trả. Chị TH yêu cầu Anh H và chị H thanh toán cho chị TH số tiền 35.000.000 đồng.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Anh Nguyễn Văn H trình bày:

Năm 2020, Anh H làm thợ cả xây nhà cho nhà của chị H và Anh H, với số tiền công xây dựng là 102.000.000 đồng. Từ đó đến nay Anh H và chị H đã trả cho Anh H số tiền 86.000.000 đồng, còn lại 16.000.000 đồng đang nợ chưa trả. Anh H yêu cầu vợ chồng chị H Anh H thanh toán cho Anh H số tiền 16.000.000đ.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị L trình bày:

Chị L có quan hệ làm ăn buôn bán với chị H. Trong quá trình làm ăn với nhau, chị L có cho chị H vay nhiều lần, trong đó năm 2017 vay số tiền 300.000.000 đồng để mua đất, năm 2019 đến năm 2020 vay số tiền 200.000.000 đồng để xây nhà, tổng cộng 500.000.000 đồng đến nay chưa thanh toán. Hai bên có viết trong sổ nợ đã trích nộp cho Tòa án. Chị L yêu cầu Anh H và chị H thanh toán số tiền 500.000.000 đồng

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Diệu L trình bày:

Chị L có buôn bán với chị H ở Chợ thành phố H. Trong quá trình làm ăn, chị H có vay của chị L tổng số tiền 408.000.000đ trong đó 300.000.000đ để mua đất năm 2017, còn 108.000.000đ chị H xin nợ lại tiền hàng hóa để lấy tiền xây nhà vào 2020, chị H hứa sau khi xây nhà xong sẽ thế chấp nhà vay ngân hàng để trả nợ cho chị L nhưng đến nay chưa trả. Chị L yêu cầu Anh H và chị H thAnh toán số tiền 408.000.000 đồng.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA chị Nguyễn Thị V trình bày:

Chị V có cho chị H vay 10 chỉ vàng 9999 để mua đất. Năm 2018 chị H đã trả cho chị V 05 chỉ, còn lại 5 chỉ chị H chưa trả. Chị V yêu cầu chị H trả lại cho chị V 05 chỉ vàng còn nợ.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng ý với việc chị H rút yêu cầu giải quyết về trách nhiệm trả nợ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H phát biểu quA điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

+Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị H.

+Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Con chung Nguyễn Thị Thu U đã đủ 18 tuổi trưởng thành. Chị Võ Thị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Hồng L và Nguyễn Hồng Thiên A; Anh Nguyễn H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Hồng H. Chị Võ Thị H và Anh Nguyễn H không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

+Về tài sản chung và nợ chung: Áp dụng khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc chia tài sản chung và nợ chung.

+Về án phí: Áp dụng khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài L chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Võ Thị H khởi kiện xin ly hôn, giải quyết về nuôi con chung, chia tài sản và nợ chung đối với bị đơn Anh Nguyễn H (cư trú tại: Thôn L, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh). Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn H và chị Võ Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh nên quan hệ hôn nhân giữa Anh H và chị H là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, chị H trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do Anh H không quan tâm vợ con, thường uống rượu về gây gỗ đánh đập vợ; còn Anh H trình bày nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng thu nhập thấp, khó khăn về kinh tế, Anh H không đồng ý mua đất xây nhà vì vợ chồng không có tiền nhưng chị H vẫn tự ý mua đất, tự thuê thợ xây nhà, tự vay nợ dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng. Tuy nhiên, các đương sự đều thừa nhận vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng và đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2022 đến nay. Theo kết quả xác minh tại thôn L, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh thì chị H và Anh H quá trình chung sống có nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, trưởng thôn và Hội đồng mục vụ của Giáo họ Hạnh Tiến đã nhiều lần tổ chức hòa giải cho hai vợ chồng nhưng không thành, vợ chồng hiện đang sống ly thân, về nguyên nhân mâu thuẫn thì địa phương không nắm được. Hội đồng xét xử xét thấy: Tình trạng hôn nhân giữa chị H và Anh H đã trầm trọng, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, mục đích hôn nhân là xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được. Căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị H ly hôn với Anh H là có căn cứ.

[3] Về con chung: Chị Võ Thị H và Anh Nguyễn H có 4 con chung tên là Nguyễn Thị Thu U, sinh ngày 02/01/2005, Nguyễn Hồng H, sinh ngày 02/01/2008, Nguyễn Hồng L, sinh ngày 09/02/2013 và Nguyễn Hồng Thiên A, sinh ngày 19/6/2020. Con

Nguyễn Thị Thu U đã đủ 18 tuổi trưởng thành, con ở với ai tùy con quyết định. Quá trình giải quyết vụ án, chị H và Anh H đã thỏa thuận thống nhất: Chị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Hồng L và Nguyễn Hồng Thiên A. Anh Nguyễn H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Hồng H; Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Xét thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của các con, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Mặc dù tại đơn khởi kiện nguyên đơn có yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung vợ chồng và trách nhiệm trả nợ nhưng tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung và nợ chung, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng ý. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc giải quyết chia tài sản chung và nợ chung vợ chồng. Nếu sau này chị H khởi kiện lại thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Chị H không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp các quy định pháp luật.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA thường vụ Quốc hội: Buộc chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56, điều 57, điều 81, điều 82, điều 83, Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA thường vụ Quốc hội;

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Võ Thị H được ly hôn với Anh Nguyễn H.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Chị Võ Thị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Hồng L, sinh ngày 09/02/2013 và Nguyễn Hồng Thiên A, sinh ngày 19/6/2020. Anh Nguyễn H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Hồng H, sinh ngày 02/01/2008. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung vợ chồng của nguyên đơn chị Võ Thị H. Nếu sau này có trAnh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Buộc chị Võ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 38.990.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001128 ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Trả lại cho chị H 38.690.000 đồng

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Tp H;
- TAD tỉnh Hà Tĩnh;
- THADS Tp H;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh Huyền